

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2022

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc: "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1989.

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: KDC T1, phường A, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người được chị T ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Chị Vũ Thị C1, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC T2, phường L, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị T, chị C1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu K**, sinh năm 1990.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu H, thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Anh K có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu K được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S,

tỉnh Hải Dương vào ngày 23/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 3 tháng thì chị đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2016 anh K cũng sang Đài Loan lao động. Mặc dù anh chị cùng sinh sống tại Đài Loan nhưng do khác công ty và thời gian làm việc khác nhau nên vợ chồng rất ít gặp nhau. Do sống xa nhau là chủ yếu nên vợ chồng không hiểu và không quan tâm đến nhau, tình cảm dần phai nhạt. Tháng 9/2019 chị trở về Việt Nam nhưng về nhà bố mẹ đẻ ở, còn anh K ở lại Đài Loan cho đến nay chưa về nước. Vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu K.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T ủy quyền cho chị Vũ Thị C1 thay chị giao nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, chị C1 đã thông báo cho chị biết, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Trần Thị T3 (là mẹ đẻ anh K) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh K vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh K biết. Thông qua gia đình anh K trình bày và xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được, chị T xin ly hôn, anh K nhất trí. Anh K xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị được giải quyết vắng mặt. Bà T3 có quan điểm đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của anh chị.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T, anh K đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì chị T xuất cảnh lao động ở nước ngoài, sau đó anh K cũng sang nước ngoài làm ăn. Khi chị T về nước không về nhà chồng mà về nhà bố mẹ đẻ ở, hiện tại anh K chưa về nước, vợ chồng sống xa cách mỗi người một nơi. Nay chị T có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Hữu K. Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Nguyễn Hữu K có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại khu H, thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương, hiện anh K đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh K ở Đài Loan. Tòa án đã đề nghị gia đình anh K cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh K và gia đình đã thông báo cho anh K biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh K, đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh K cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/3/2015 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì chị T đi xuất cảnh lao động tại Đài Loan, đến năm 2016 anh K cũng sang Đài Loan lao động. Tuy nhiên, vợ chồng mỗi người ở một nơi và chủ yếu sống xa nhau nên không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K, thông qua gia đình anh K cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị T ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh K cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố

tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Nguyễn Hữu K.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu số AA/2020/0004674 ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hữu K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)